TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 752/2018/KDTM-PT
Ngày: 16/8/2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Toại.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thu Chinh.

2. Ông Nguyễn Hồng Ân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng- Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tôn Mạnh Hùng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 7 và ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2018 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2697/2018/QĐ-PT ngày 18/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5350/2018/QĐ-PT ngày 12/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X.

Địa chỉ: đường P, Phường N, Quận H, TP.HCM

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1987

Địa chỉ liên hệ: Chung cư C, đường N, phường P, Quận T, TP.HCM.
(Văn bản ủy quyền số 261/2018/UQ-SHB.HCM ngày 27 tháng 3 năm 2018).

2. Bị đơn: Công ty TNHH M.

Địa chỉ: đường Q, Phường T, quận G, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đ, trú tại: đường Q, Phường T, quận F, Thành phố M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền số 01/2018/UQ-TTH ngày 12 tháng 3 năm 2018).

Ông Đ, trú tại: Chung cư H, phường T, Quận C, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền số: 01/2018/UQ-TTH ngày 12 tháng 3 năm 2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tập đoàn C

Địa chỉ: đường N, Phường R, Quận V, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp: Ông N, sinh năm 1972

Địa chỉ liên hệ: đương L, Phường A, quận T, TP.HCM.

(Văn bản ủy quyền số 192/UQTT- CSVN ngày 26/6/2018).

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

**** Đại diện Nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M) có ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/HĐHM-PN/SHB.HCM ngày 25/01/2013 với hạn mức tín dụng tối đa 45.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh. Công ty M đã thực hiện nhận nợ theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh trên như sau:

- Công ty M đã nhận nợ từ Ngân hàng theo khế ước nhận nợ số: 0101185510/013/2013/KUNN/SHB.HCM/14 ngày 09/7/2013 và phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/PLHĐHM-PN/SHB.HCM/14 ngày 09/7/2013 với số tiền 4.300.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay và các nghĩa vụ khác có liên quan là quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 trị giá 6.174.000.000 đồng được ký kết giữa Công ty M và Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tập đoàn cao su); Biên bản bàn giao hàng hóa ngày 09/7/2013 và xác nhận chuyển nguồn thu của Tập đoàn cao su ngày 09/7/2013. Tài sản bảo đảm trên đã được Công ty M thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/HĐTC.CC-PN/SHB.HCM ký ngày 25/01/2013 và phụ lục hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/PLHĐTC.CC-PN/SHB.HCM/14 ngày 09/7/2013, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/7/2013 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/HĐHM-PN/SHB.HCM ngày 25/01/2013 và phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/PLHĐHM-PN/SHB.HCM/14 ngày 09/7/2013 được ký giữa Ngân hàng và Công ty M. Tính đến ngày 16/02/2017, Công ty M đã thanh toán theo khế ước này cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 4.300.000.000 đồng và tiền lãi là 131.593.871 đồng.

- Công ty M đã nhận nợ từ Ngân hàng theo khế ước nhận nợ số: 0101185510/013/2013/KUNN/SHB.HCM/18 ngày 12/8/2013 và phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/PLHĐHM-PN/SHB.HCM/18 ngày 08/8/2013 với số tiền 3.100.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay và các nghĩa vụ khác có liên quan là quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán mủ cao su số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 trị giá 4.536.000.000 đồng được ký kết giữa Công ty M và Tập đoàn cao su; Biên bản bàn giao hàng hóa ngày 06/8/2013 và xác nhận chuyển nguồn thu của Tập đoàn cao su ngày 09/8/2013. Tài sản bảo đảm trên đã được Công ty M thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/HĐTC.CC-PN/SHB.HCM ký ngày 25/01/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/PLHĐTC.CC-PN/SHB.HCM/18 ngày 08/8/2013, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/8/2013 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/HĐHM-PN/SHB.HCM ngày 25/01/2013 và phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/PLHĐHM-PN/SHB.HCM/18 ngày 08/8/2013 được ký giữa Ngân hàng và Công ty M. Tính đến ngày 16/02/2017, Công ty M đã thanh toán theo khế ước này cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.251.000.000 đồng và tiền lãi là 47.361.116 đồng.

Khi thực hiện hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh và các phụ lục kèm theo Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty M phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/02/2017 là 3.674.854.256 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng yêu cầu Công ty M thanh toán nợ, cụ thể như sau:

-Đối với khế ước 0101185510/013/2013/KUNN/SHB.HCM/14: Nợ lãi 212.600.981 đồng (1).

-Đối với khế ước 0101185510/013/2013/KUNN/SHB.HCM/18: Nợ gốc 1.844.000.000 đồng và nợ lãi 2.031.505.725 đồng, tổng cộng: 3.875.505.725 đồng (2).

Tổng cộng: (1) + (2) = 212.600.981 + 3.875.505.725 = 4.088.106.706 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/3/2018, Công ty M có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp hạn mức tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong trường hợp Công ty M không trả được nợ, đề nghị Tòa án cho phép Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành các biện pháp cưỡng chế, buộc Tập đoàn cao su thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đã phát sinh từ Hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và Hợp đồng mua bán mủ cao su số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 được ký kết giữa Công ty M với Tập đoàn cao su. Toàn bộ số tiền thu được từ việc Tập đoàn cao su thực hiện

nghĩa vụ trả nợ cho Công ty M được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty M đối với Ngân hàng và chi phí liên quan đến việc thi hành án (nếu có). Nếu số tiền xử lý quyền đòi nợ không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty M thì Công ty M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ đã vay tại Ngân hàng.

Căn cứ vào chương VII, chương XI Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 22 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì việc Ngân hàng xác định quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và Hợp đồng mua bán mủ cao su số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 là quyền tài sản là phù hợp. Vì vậy, việc nhận thế chấp và thực hiện cho Công ty M vay dựa trên quyền đòi nợ này là phù hợp.

Căn cứ Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 6 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2014 về xử lý tài sản bảo đảm thì Tập đoàn cao su phải ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng vì Ngân hàng đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngân hàng khẳng định không nhận được bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc trả hàng nên căn cứ Điều 348 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 1 Điều 11 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì giao dịch bảo đảm có giá trị pháp lý đối với người thứ ba kể từ ngày đăng ký nên hành động làm thay đổi giá trị tài sản thế chấp khi chưa được sự đồng ý của Ngân hàng là không được chấp nhận, trái pháp luật.

**** Đại diện Bị đơn trình bày:***

Thống nhất với lời trình bày của đại diện Ngân hàng là giữa Công ty M và Ngân hàng có ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh và các phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh kèm theo đúng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng. Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/02/2017 là 3.674.854.256 đồng nhưng do hiện Công ty M đang gặp khó khăn trong kinh doanh vì mủ cao su xuống giá làm cho Công ty M bị lỗ nặng nên Công ty M xin được trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc và xin Ngân hàng miễn tiền lãi cho Công ty M đồng thời có ý kiến là đề nghị Tập đoàn cao su cùng với Công ty M thực hiện hoàn tất 02 hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013, cụ thể là chuyển tiền mua cao su của 02 hợp đồng trên cho Ngân hàng theo 02 giấy xác nhận chuyển nguồn thu ngày 09/7/2013 và ngày 09/8/2013. Công ty M chỉ có đề nghị như trên chứ không tranh chấp về 02 hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hiệp và bà Thuận đại diện của bị đơn trình bày: Thống nhất còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 29/3/2018 với số tiền nợ gốc 1.844.000.000 đồng và tiền lãi 2.244.106.706 đồng, tổng cộng: 4.088.106.706 đồng và xác nhận Công ty M đã nhận lại mủ cao su theo biên bản giao nhận hàng hóa năm 2013 mà phía Tập đoàn cao su cung cấp tại phiên tòa nhưng cho rằng việc

Công ty M nhận lại mủ cao su đã giao cho Tập đoàn cao su để đổi lại mủ cao su khác cho Tập đoàn cao su là việc bình thường trong giao dịch mua bán.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 322, Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 6, khoản 1 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; điểm b khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2014 về xử lý tài sản bảo đảm thì quyền tài sản phát từ quyền đòi nợ được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Theo đó, ngay khi Tập đoàn cao su xác nhận nghĩa vụ thanh toán nợ tức là Công ty M đã có được quyền đòi nợ và đem thế chấp quyền này nên việc Công ty M đem thế chấp quyền tài sản là quyền đòi nợ đối với số tiền mua bán hàng hóa từ Hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 là đúng với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Việc thế chấp đối với quyền đòi nợ từ 02 hợp đồng mua bán nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định cho nên số tiền Tập đoàn cao su thanh toán cho 02 hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên sẽ được ưu tiên thanh toán cho hợp đồng vay của Công ty M tại Ngân hàng. Đến nay, Công ty M đã không có khả năng trả nợ nên Tập đoàn cao su có trách nhiệm thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi mà Công ty M còn thiếu Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 4 năm 2017 và quá trình tham gia tố tụng, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Tập đoàn cao su có ký kết với Công ty M 02 Hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013. Sau đó, theo yêu cầu của Công ty M nên Tập đoàn cao su có xác nhận hai văn bản là "*Xác nhận chuyển nguồn thu*" cho Công ty M vào các ngày 09/7/2013 và 09/8/2013. Việc Công ty M sử dụng hai văn bản "*Xác nhận chuyển nguồn thu*" vào mục đích gì, với đơn vị nào thì Tập đoàn cao su không biết. Việc Ngân hàng khởi kiện Công ty M và yêu cầu Tập đoàn cao su có trách nhiệm trả khoản tiền mua bán mủ cao su phát sinh từ 02 hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 thì Tập đoàn cao su không đồng ý vì Tập đoàn cao su không liên quan gì đến giao dịch giữa Ngân hàng với Công ty M và cũng không ký hoặc xác nhận bảo lãnh tín dụng cho Công ty M vay tiền Ngân hàng; những văn bản của Tập đoàn cao su với Công ty M chỉ là tài liệu liên quan đến hợp đồng mua bán mủ cao su giữa Tập đoàn cao su với Công ty M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Tú đại diện cho Tập đoàn cao su cung cấp hai biên bản giao nhận hàng hóa năm 2013 giữa Tập đoàn cao su với Công ty M có nội dung Tập đoàn cao su trả lại hàng cho Công ty M với lý do tài liệu, chứng cứ này trước đây Tập đoàn cao su không có, phải nhờ cơ quan lưu trữ trích lục lại.

Tập đoàn cao su không đồng ý trả tiền cho Ngân hàng vì Tập đoàn cao su không bảo lãnh cho Công ty M vay tiền Ngân hàng. Tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp giữa Ngân hàng và Công ty M nên Tập đoàn cao su không liên quan. Việc thực hiện 02 Hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày

05/7/2013 và số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 là do Công ty M giao hàng không đúng quy cách sản phẩm đề nghị Công ty M theo quy định trong điều khoản của hợp đồng khi xảy ra tranh chấp phát sinh khiếu nại đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam để giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

1. Buộc Công ty TNHH M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội số tiền nợ gốc 1.844.000.000 đồng và tiền lãi 2.244.106.706 đồng, tổng cộng: 4.088.106.706 (Bốn tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, một trăm lẻ sáu ngàn, bảy trăm lẻ sáu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/3/2018 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH M phải chịu là 112.088.107 (Một trăm mười hai triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, một trăm lẻ bảy) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí là 52.067.105 (Năm mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm lẻ năm) đồng theo biên lai thu số AA/2016/0017667 ngày 13/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/4/2018, Ngân hàng kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, cho phép Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành các biện pháp cưỡng chế, buộc Tập đoàn cao su thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đã phát sinh từ Hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 được ký kết giữa Công ty M với Tập đoàn cao su. Toàn bộ số tiền thu được từ việc Tập đoàn cao su thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty M được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và chi phí liên quan đến việc thi hành án (nếu có).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Nguyên đơn: Rút yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán là 111.055.423 đồng. Yêu cầu Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên hợp đồng thế chấp là có hiệu lực pháp luật và chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng trong trường hợp Công ty M không thanh toán được nợ vì tài sản thế chấp là quyền đòi nợ đã được thế chấp chứ không phải bảo lãnh như bản án sơ thẩm đã đề cập.

- Đại diện Bị đơn: Đồng ý việc Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi chậm thanh toán. Đề nghị Tòa sửa bản án sơ thẩm, buộc Tập đoàn cao su trả nợ cho Ngân hàng. Tập đoàn cao su không phải bảo lãnh tín dụng như bản án sơ thẩm đã xác định. Bị đơn bán hàng cho Tập đoàn cao su, Tòa sơ thẩm nói ký hợp đồng không có đại diện là không đúng. Bị đơn bán hàng là để thu tiền trả nợ, nếu hàng không đủ chất lượng thì bù trừ hoặc đổi hàng khác chứ không thể trả hàng cắt hợp đồng mua bán. Thực tế hai bên đã từng đổi hàng là mủ cao su cả trăm lần chứ không phải đây là lần đầu, nay vì giá mủ cao su giảm mà Tập đoàn cao su không nhận mủ cao su khác thay thế Bị đơn không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì các bên tranh chấp hợp đồng tín dụng không liên quan đến Tập đoàn cao su.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Ông Tôn Mạnh Hùng- phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Nguyên đơn rút tại phiên tòa về tiền lãi chậm thanh toán; sửa một phần bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn. Buộc Bị đơn phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Nguyên đơn. Trường hợp Bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi quyền đòi nợ mà Bị đơn đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung bản án sơ thẩm do Hội đồng xét xử tóm tắt là đúng như bản án sơ thẩm và không có đương sự nào cung cấp thêm chứng cứ mới. Xét, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thụ lý giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng với Công ty M là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, xử buộc Công ty M phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 1.844.000.000 đồng và tiền lãi 2.244.106.706 đồng, tổng cộng: 4.088.106.706 đồng, các đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng

nghị phần này. Tuy nhiên, qua xem xét của cấp phúc thẩm thì trong phần tiền lãi 2.244.106.706 đồng mà Tòa sơ thẩm tuyên có 111.055.423 đồng là tiền lãi chậm thanh toán (tính đến 29/3/2018). Qua phân tích của Hội đồng xét xử phúc thẩm về tiền lãi nêu trên là nợ lãi chồng lãi, Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu về phần lãi chậm thanh toán và Công ty Thanh Thịnh Hoàng cũng đồng ý cho Ngân hàng rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần này. Như vậy, số tiền Công ty M phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 29/03/2018 được xác định lại như sau: nợ gốc 1.844.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 124.610.431 đồng; nợ lãi quá hạn 2.008.440.852 đồng, tổng cộng: 3.977.051.283 đồng. Trong trường hợp này thì Công ty M vẫn phải chịu án phí như quyết định của Tòa sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1, Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 6, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng thế chấp là có hiệu lực pháp luật và chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng:

Tòa sơ thẩm cho rằng: Biên bản bàn giao hàng hóa ngày 09/7/2013 và xác nhận chuyển nguồn thu của Tập đoàn cao su ngày 09/7/2013; Biên bản bàn giao hàng hóa ngày 06/8/2013 và xác nhận chuyển nguồn thu của Tập đoàn cao su ngày 09/8/2013 mà Ngân hàng căn cứ để yêu cầu Tập đoàn cao su trả tiền nợ thay cho Công ty M không phải là chứng thư bảo lãnh tín dụng vì không tuân thủ các quy định tại Điều 342, Điều 343, Điều 361, Điều 362 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị định số: 163/20006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên không phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cao su. Các Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/HĐTC.CC-PN/SHB.HCM ký ngày 25/01/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/PLHĐTC.CC-PN/SHB.HCM/14 ngày 09/7/2013; Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/HĐTC.CC-PN/SHB.HCM ký ngày 25/01/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/PLHĐTC.CC-PN/SHB.HCM/18 ngày 08/8/2013 không có chữ ký xác nhận của bên phía đại diện có thẩm quyền của Tập đoàn cao su và 02 hợp đồng mua bán mủ cao su số: 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và số: 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 giữa Công ty M và Tập đoàn cao su thực tế chưa được thực hiện và chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên nên quyền đòi nợ chưa được hình thành vì tại phiên tòa Công ty M đã thừa nhận phía Công ty đã nhận lại hàng hóa của 02 hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013, để từ đó Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về phát mãi tài sản thế chấp là quyền đòi nợ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Công ty M đã nhận nợ từ Ngân hàng theo khế ước nhận nợ số: 0101185510/013/2013/KUNN/SHB.HCM/14 ngày 09/7/2013 và phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/PLHĐHM-

PN/SHB.HCM/14 ngày 09/7/2013 với số tiền 4.300.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay và các nghĩa vụ khác có liên quan là quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 trị giá 6.174.000.000 đồng được ký kết giữa Công ty M và Tập đoàn cao su; Biên bản bàn giao hàng hóa ngày 09/7/2013 và xác nhận chuyển nguồn thu của Tập đoàn cao su ngày 09/7/2013. Tài sản bảo đảm trên đã được Công ty M thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/HĐTC.CC-PN/SHB.HCM ký ngày 25/01/2013 và phụ lục hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/PLHĐTC.CC-PN/SHB.HCM/14 ngày 09/7/2013, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/7/2013 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/HĐHM-PN/SHB.HCM ngày 25/01/2013 và phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/PLHĐHM-PN/SHB.HCM/14 ngày 09/7/2013 được ký giữa Ngân hàng và Công ty M.

- Công ty M đã nhận nợ từ Ngân hàng theo khế ước nhận nợ số: 0101185510/013/2013/KUNN/SHB.HCM/18 ngày 12/8/2013 và phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/PLHĐHM-PN/SHB.HCM/18 ngày 08/8/2013 với số tiền 3.100.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay và các nghĩa vụ khác có liên quan là quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán mủ cao su số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 trị giá 4.536.000.000 đồng được ký kết giữa Công ty M và Tập đoàn cao su; biên bản bàn giao hàng hóa ngày 06/8/2013 và xác nhận chuyển nguồn thu của Tập đoàn cao su ngày 09/8/2013. Tài sản bảo đảm trên đã được Công ty M thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/HĐTC.CC-PN/SHB.HCM ký ngày 25/01/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số: 0101185510/013/2013/PLHĐTC.CC-PN/SHB.HCM/18 ngày 08/8/2013, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/8/2013 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/HĐHM-PN/SHB.HCM ngày 25/01/2013 và phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh số: 0101185510/013/2013/PLHĐHM-PN/SHB.HCM/18 ngày 08/8/2013 được ký giữa Ngân hàng và Công ty M.

Như vậy, tại thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm (ngày 09/7/2013 và ngày 09/8/2013) thì tài sản thế chấp ở đây là quyền đòi nợ của bên thế chấp (Công ty M) đối với bên thứ ba phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Thỏa thuận này là hợp pháp, cần được tôn trọng vì phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 322 Bộ luật Dân sự năm 2005 (quy định về các quyền tài sản dùng để bảo đảm bao gồm quyền đòi nợ, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng và các quyền tài sản khác thuộc sở hữu của bên bảo đảm).

[4] Trong vụ án này, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ theo hợp đồng thế chấp nói trên chứ không yêu cầu Tòa án buộc bên thứ ba phải thanh toán nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa mà bên thế chấp đã ký kết và thực hiện. Theo quy định tại Khoản 7, Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2005, yêu cầu

xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có căn cứ và hợp pháp, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Nếu quyền tài sản thế chấp nói trên được phát mãi (như bán đấu giá) thì bên mua được tài sản đấu giá cũng có các quyền đối với bên thứ ba như bên thế chấp là Công ty M đã có. Trường hợp chủ sở hữu quyền này có tranh chấp với bên thứ ba mà không tự giải quyết được thì có quyền khởi kiện ra Tòa án hoặc Trọng tài để được giải quyết bằng vụ kiện khác, không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này.

Do đó, kháng cáo của Ngân hàng là có căn cứ, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ của Ngân hàng trong trường hợp Công ty M không thanh toán nợ đúng hạn quy định trong bản án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và không có thỏa thuận nào khác tại phiên tòa phúc thẩm, đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 299; Khoản 2, Điều 308; Điều 309; Khoản 2, Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Khoản 6, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện do Nguyên đơn rút một phần tại phiên tòa phúc thẩm.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa Ngân hàng TMCP X với Công ty TNHH M.

Cụ thể tuyên:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X, buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc 1.844.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 124.610.431 đồng; nợ lãi quá hạn 2.008.440.852 đồng, tổng cộng: 3.977.051.283 (Ba tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm năm mươi một ngàn, hai trăm tám ba) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/3/2018 Công ty TNHH M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà

Bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu Công ty TNHH M không thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH M phát sinh từ Hợp đồng mua bán mủ cao su số 241/HĐ-CSVN-KC ngày 05/7/2013 và Hợp đồng mua bán mủ cao su số 329/HĐ-CSVN-KC ngày 02/8/2013 giữa Công ty TNHH M với Tập đoàn C để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP X. Nếu sau khi phát mãi tài sản bảo đảm là quyền tài sản nêu trên không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP X thì Công ty TNHH M vẫn phải thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP X cho đến dứt nợ.

2/. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH M phải chịu là 112.088.107 (Một trăm mười hai triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, một trăm lẻ bảy) đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí là 52.067.105 (Năm mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm lẻ năm) đồng, theo Biên lai thu số AA/2016/0017667 ngày 13/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP.HCM.

3/. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Ngân hàng TMCP X 2.000.000 (Hai triệu) đồng, theo Biên lai thu số AA/2017/0029054 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP.HCM.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Toại

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thu Chinh **Nguyễn Hồng Ân** **Lê Công Toại**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Công Toại

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Thu Hà **Biện Thị Hoa** **Ủ Thị Bạch Yến**